

ĐỀ MINH HỌA  
(Đề thi có 4 trang)

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:

H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108; Ba = 137.

**Câu 1:** Để thu được kim loại Cu từ dung dịch  $\text{CuSO}_4$  theo phương pháp thủy luyện, có thể dùng kim loại nào sau đây?

- A. Ca.                                      B. Na.                                      C. Ag.                                      D. Fe.

**Câu 2:** Thí nghiệm nào sau đây **không** xảy ra phản ứng?

- A. Cho kim loại Cu vào dung dịch  $\text{HNO}_3$ .  
B. Cho kim loại Fe vào dung dịch  $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ .  
C. Cho kim loại Ag vào dung dịch HCl.  
D. Cho kim loại Zn vào dung dịch  $\text{CuSO}_4$ .

**Câu 3:** Trong thực tế, **không** sử dụng cách nào sau đây để bảo vệ kim loại sắt khỏi bị ăn mòn?

- A. Gắn đồng với kim loại sắt.  
B. Tráng kẽm lên bề mặt sắt.  
C. Phủ một lớp sơn lên bề mặt sắt.  
D. Tráng thiếc lên bề mặt sắt.

**Câu 4:** Để làm sạch lớp cặn trong các dụng cụ đun và chứa nước nóng, người ta dùng

- A. nước vôi trong.                                      B. giấm ăn.  
C. dung dịch muối ăn.                                      D. ancol etylic.

**Câu 5:** Trong công nghiệp, Mg được điều chế bằng cách nào dưới đây?

- A. Điện phân nóng chảy  $\text{MgCl}_2$ .                                      B. Điện phân dung dịch  $\text{MgSO}_4$ .  
C. Cho kim loại K vào dung dịch  $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ .                                      D. Cho kim loại Fe vào dung dịch  $\text{MgCl}_2$ .

**Câu 6:** Hòa tan hoàn toàn 13,8 gam hỗn hợp X gồm Al, Fe vào dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng, thu được 10,08 lít khí (đktc). Phần trăm về khối lượng của Al trong X là

- A. 58,70%.                                      B. 20,24%.                                      C. 39,13%.                                      D. 76,91%.

**Câu 7:** Phương trình hóa học nào sau đây **sai**?

- A.  $2\text{Cr} + 3\text{H}_2\text{SO}_4$  (loãng)  $\rightarrow \text{Cr}_2(\text{SO}_4)_3 + 3\text{H}_2$ .  
B.  $2\text{Cr} + 3\text{Cl}_2 \xrightarrow{t^\circ} 2\text{CrCl}_3$ .  
C.  $\text{Cr}(\text{OH})_3 + 3\text{HCl} \rightarrow \text{CrCl}_3 + 3\text{H}_2\text{O}$ .  
D.  $\text{Cr}_2\text{O}_3 + 2\text{NaOH}$  (đặc)  $\xrightarrow{t^\circ} 2\text{NaCrO}_2 + \text{H}_2\text{O}$ .

**Câu 8:** Nếu cho dung dịch  $\text{FeCl}_3$  vào dung dịch NaOH thì xuất hiện kết tủa màu

- A. vàng nhạt.                                      B. trắng xanh.                                      C. xanh lam.                                      D. nâu đỏ.

**Câu 9:** Cho a mol sắt tác dụng với a mol khí clo, thu được hỗn hợp rắn X. Cho X vào nước, thu được dung dịch Y. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Dung dịch Y **không** tác dụng với chất nào sau đây?

- A.  $\text{AgNO}_3$ .                                      B. NaOH.                                      C.  $\text{Cl}_2$ .                                      D. Cu.

**Câu 10:** Cho dãy các kim loại: Al, Cu, Fe, Ag. Số kim loại trong dãy phản ứng được với dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng là

- A. 1.                                      B. 2.                                      C. 3.                                      D. 4.

**Câu 11:** Để phân biệt các dung dịch riêng biệt: NaCl,  $\text{MgCl}_2$ ,  $\text{AlCl}_3$ ,  $\text{FeCl}_3$ , có thể dùng dung dịch

- A. HCl.                                      B.  $\text{Na}_2\text{SO}_4$ .                                      C. NaOH.                                      D.  $\text{HNO}_3$ .

**Câu 12:** Nung hỗn hợp X gồm 2,7 gam Al và 10,8 gam FeO, sau một thời gian thu được hỗn hợp Y. Để hòa tan hoàn toàn Y cần vừa đủ V ml dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  1M. Giá trị của V là

- A. 375.                                      B. 600.                                      C. 300.                                      D. 400.

**Câu 13:** Cho hỗn hợp Cu và  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  vào dung dịch HCl dư. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch X và một lượng chất rắn không tan. Muối trong dung dịch X là

- A.  $\text{FeCl}_3$ .                      B.  $\text{CuCl}_2, \text{FeCl}_2$ .                      C.  $\text{FeCl}_2, \text{FeCl}_3$ .                      D.  $\text{FeCl}_2$ .

**Câu 14:** Nước thải công nghiệp thường chứa các ion kim loại nặng như  $\text{Hg}^{2+}$ ,  $\text{Pb}^{2+}$ ,  $\text{Fe}^{3+}$ ,... Để xử lí sơ bộ nước thải trên, làm giảm nồng độ các ion kim loại nặng với chi phí thấp, người ta sử dụng chất nào sau đây?

- A. NaCl.                      B.  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ .                      C. HCl.                      D. KOH.

**Câu 15:** Chất nào sau đây còn có tên gọi là đường nho?

- A. Glucozơ.                      B. Saccarozơ.                      C. Fructozơ.                      D. Tinh bột.

**Câu 16:** Cho 500 ml dung dịch glucozơ phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch  $\text{AgNO}_3$  trong  $\text{NH}_3$ , thu được 10,8 gam Ag. Nồng độ của dung dịch glucozơ đã dùng là

- A. 0,20M.                      B. 0,01M.                      C. 0,02M.                      D. 0,10M.

**Câu 17:** Số este có công thức phân tử  $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$  là

- A. 6.                      B. 3.                      C. 4.                      D. 2.

**Câu 18:** Polime thiên nhiên X được sinh ra trong quá trình quang hợp của cây xanh. Ở nhiệt độ thường, X tạo với dung dịch iot hợp chất có màu xanh tím. Polime X là

- A. tinh bột.                      B. xenlulozơ.                      C. saccarozơ.                      D. glicogen.

**Câu 19:** Chất có phản ứng màu biure là

- A. Chất béo.                      B. Protein.                      C. Tinh bột.                      D. Saccarozơ.

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tất cả các amin đều làm quỳ tím ẩm chuyển màu xanh.  
 B. Ở nhiệt độ thường, tất cả các amin đều tan nhiều trong nước.  
 C. Để rửa sạch ống nghiệm có dính anilin, có thể dùng dung dịch HCl.  
 D. Các amin đều không độc, được sử dụng trong chế biến thực phẩm.

**Câu 21:** Cho 15,00 gam glyxin vào 300 ml dung dịch HCl, thu được dung dịch X. Cho X tác dụng vừa đủ với 250 ml dung dịch KOH 2M, thu được dung dịch Y. Cô cạn Y, thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

- A. 53,95.                      B. 44,95.                      C. 22,60.                      D. 22,35.

**Câu 22:** Chất **không** có phản ứng thủy phân là

- A. glucozơ.                      B. etyl axetat.                      C. Gly-Ala.                      D. saccarozơ.

**Câu 23:** Cho 2,0 gam hỗn hợp X gồm metylamin, đimetylamin phản ứng vừa đủ với 0,05 mol HCl, thu được m gam muối. Giá trị của m là

- A. 3,425.                      B. 4,725.                      C. 2,550.                      D. 3,825.

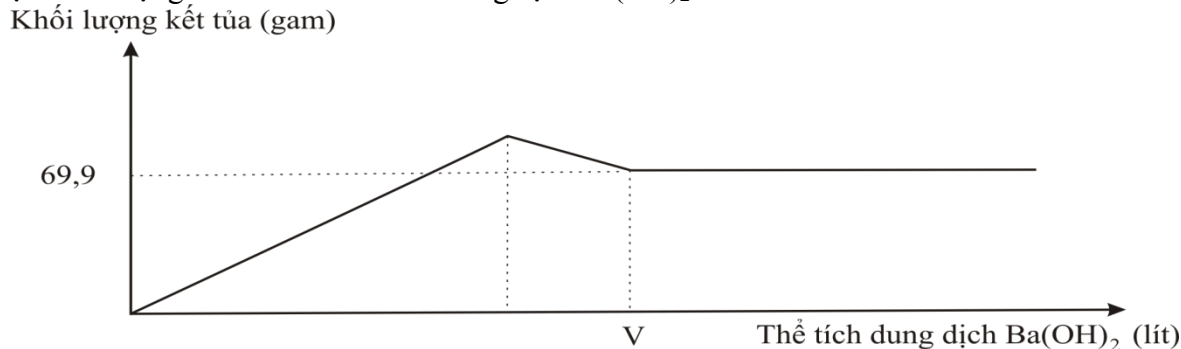
**Câu 24:** Thủy phân 4,4 gam etyl axetat bằng 100 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch, thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là

- A. 2,90.                      B. 4,28.                      C. 4,10.                      D. 1,64.

**Câu 25:** Cho m gam Fe vào dung dịch X chứa 0,1 mol  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$  và 0,4 mol  $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ . Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch Y và m gam chất rắn Z. Giá trị của m là

- A. 25,2.                      B. 19,6.                      C. 22,4.                      D. 28,0.

**Câu 26:** Nhỏ từ từ dung dịch  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  0,2M vào ống nghiệm chứa dung dịch  $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$ . Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc khối lượng kết tủa theo thể tích dung dịch  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  như sau:



Giá trị của V **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

- A. 1,7.                      B. 2,1.                      C. 2,4.                      D. 2,5.

**Câu 27:** Cho bột Fe vào dung dịch hỗn hợp  $\text{NaNO}_3$  và  $\text{HCl}$  đến khi các phản ứng kết thúc, thu được dung dịch X, hỗn hợp khí  $\text{NO}$ ,  $\text{H}_2$  và chất rắn **không** tan. Các muối trong dung dịch X là

A.  $\text{FeCl}_3$ ,  $\text{NaCl}$ .

B.  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ ,  $\text{FeCl}_3$ ,  $\text{NaNO}_3$ ,  $\text{NaCl}$ .

C.  $\text{FeCl}_2$ ,  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ ,  $\text{NaCl}$ ,  $\text{NaNO}_3$ .

D.  $\text{FeCl}_2$ ,  $\text{NaCl}$ .

**Câu 28:** Dung dịch X gồm 0,02 mol  $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$  và 0,1 mol  $\text{H}_2\text{SO}_4$ . Khối lượng Fe tối đa phản ứng được với dung dịch X là (biết  $\text{NO}$  là sản phẩm khử duy nhất của  $\text{NO}_3^-$ )

A. 4,48 gam.

B. 5,60 gam.

C. 3,36 gam.

D. 2,24 gam.

**Câu 29:** Cho dung dịch muối X đến dư vào dung dịch muối Y, thu được kết tủa Z. Cho Z vào dung dịch  $\text{HNO}_3$  (loãng, dư), thu được chất rắn T và khí không màu hóa nâu trong không khí. X và Y lần lượt là

A.  $\text{AgNO}_3$  và  $\text{FeCl}_2$ .

B.  $\text{AgNO}_3$  và  $\text{FeCl}_3$ .

C.  $\text{Na}_2\text{CO}_3$  và  $\text{BaCl}_2$ .

D.  $\text{AgNO}_3$  và  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ .

**Câu 30:** Cho các phát biểu sau:

(a) Thép là hợp kim của sắt chứa từ 2-5% khối lượng cacbon.

(b) Bột nhôm trộn với bột sắt(III) oxit dùng để hàn đường ray bằng phản ứng nhiệt nhôm.

(c) Dùng  $\text{Na}_2\text{CO}_3$  để làm mất tính cứng tạm thời và tính cứng vĩnh cửu của nước.

(d) Dùng bột lưu huỳnh để xử lí thủy ngân rơi vãi khi nhiệt kế bị vỡ.

(e) Khi làm thí nghiệm kim loại đồng tác dụng với dung dịch  $\text{HNO}_3$ , người ta nút ống nghiệm bằng bông tẩm dung dịch kiềm.

Số phát biểu đúng là

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

**Câu 31:** Cho m gam hỗn hợp X gồm Fe,  $\text{Fe}_3\text{O}_4$  và  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$  tan hết trong 320 ml dung dịch  $\text{KHSO}_4$  1M. Sau phản ứng, thu được dung dịch Y chứa 59,04 gam muối trung hòa và 896 ml  $\text{NO}$  (sản phẩm khử duy nhất của  $\text{N}^{+5}$ , ở đktc). Y phản ứng vừa đủ với 0,44 mol  $\text{NaOH}$ . Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$  trong X có giá trị **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

A. 63.

B. 18.

C. 73.

D. 20.

**Câu 32:** Hỗn hợp X gồm Na, Ba,  $\text{Na}_2\text{O}$  và BaO. Hòa tan hoàn toàn 21,9 gam X vào nước, thu được 1,12 lít khí  $\text{H}_2$  (đktc) và dung dịch Y chứa 20,52 gam  $\text{Ba}(\text{OH})_2$ . Cho Y tác dụng với 100 ml dung dịch  $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$  0,5M, thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 27,96.

B. 29,52.

C. 36,51.

D. 1,50.

**Câu 33:** Đốt cháy hoàn toàn a gam triglixerit X cần vừa đủ 4,83 mol  $\text{O}_2$ , thu được 3,42 mol  $\text{CO}_2$  và 3,18 mol  $\text{H}_2\text{O}$ . Mặt khác, cho a gam X phản ứng vừa đủ với dung dịch  $\text{NaOH}$ , thu được b gam muối. Giá trị của b là

A. 53,16.

B. 57,12.

C. 60,36.

D. 54,84.

**Câu 34:** Cho các chất sau:  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$  (X),  $\text{CH}_3\text{COOH}_3\text{NCH}_3$  (Y),  $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$  (Z),  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOC}_2\text{H}_5$  (T). Dãy gồm các chất đều tác dụng được với dung dịch  $\text{NaOH}$  và dung dịch  $\text{HCl}$  là:

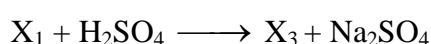
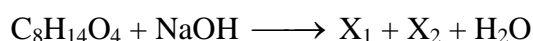
A. X, Y, Z, T.

B. X, Y, T.

C. X, Y, Z.

D. Y, Z, T.

**Câu 35:** Cho các sơ đồ phản ứng sau:



Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Các chất  $\text{X}_2$ ,  $\text{X}_3$  và  $\text{X}_4$  đều có mạch cacbon không phân nhánh.

B. Nhiệt độ sôi của  $\text{X}_2$  cao hơn axit axetic.

C. Dung dịch  $\text{X}_4$  có thể làm quỳ tím chuyển màu hồng.

D. Nhiệt độ nóng chảy của  $\text{X}_3$  cao hơn  $\text{X}_1$ .

**Câu 36:** Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
T	Quỳ tím	Quỳ tím chuyển màu xanh
Y	Dung dịch $\text{AgNO}_3$ trong $\text{NH}_3$ đun nóng	Kết tủa Ag trắng sáng
X, Y	$\text{Cu}(\text{OH})_2$	Dung dịch xanh lam
Z	Nước brom	Kết tủa trắng

X, Y, Z, T lần lượt là:

A. Saccarozơ, glucozơ, anilin, etylamin.

B. Saccarozơ, anilin, glucozơ, etylamin.

C. Anilin, etylamin, saccarozơ, glucozơ.

D. Etylamin, glucozơ, saccarozơ, anilin.

**Câu 37:** Đốt cháy hoàn toàn a mol X (là trieste của glixerol với các axit đơn chức, mạch hở), thu được b mol  $\text{CO}_2$  và c mol  $\text{H}_2\text{O}$  ( $b - c = 4a$ ). Hidro hóa  $m_1$  gam X cần 6,72 lít  $\text{H}_2$  (đktc), thu được 39 gam Y (este no). Đun nóng  $m_1$  gam X với dung dịch chứa 0,7 mol NaOH, cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được  $m_2$  gam chất rắn. Giá trị của  $m_2$  là

A. 57,2.

B. 42,6.

C. 53,2.

D. 52,6.

**Câu 38:** Este hai chức, mạch hở X có công thức phân tử  $\text{C}_6\text{H}_8\text{O}_4$  và không tham gia phản ứng tráng bạc. X được tạo thành từ ancol Y và axit cacboxyl Z. Y không phản ứng với  $\text{Cu}(\text{OH})_2$  ở điều kiện thường; khi đun Y với  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc ở  $170^\circ\text{C}$  không tạo ra anken. Nhận xét nào sau đây đúng?

A. Trong X có ba nhóm  $-\text{CH}_3$ .

B. Chất Z không làm mất màu dung dịch nước brom.

C. Chất Y là ancol etylic.

D. Phân tử chất Z có số nguyên tử cacbon bằng số nguyên tử oxi.

**Câu 39:** Hỗn hợp E gồm hai este đơn chức, là đồng phân cấu tạo và đều chứa vòng benzen. Đốt cháy hoàn toàn m gam E cần vừa đủ 8,064 lít khí  $\text{O}_2$  (đktc), thu được 14,08 gam  $\text{CO}_2$  và 2,88 gam  $\text{H}_2\text{O}$ . Đun nóng m gam E với dung dịch NaOH (dư) thì có tối đa 2,80 gam NaOH phản ứng, thu được dung dịch T chứa 6,62 gam hỗn hợp ba muối. Khối lượng muối của axit cacboxylic trong T là

A. 3,84 gam.

B. 2,72 gam.

C. 3,14 gam.

D. 3,90 gam.

**Câu 40:** Cho m gam hỗn hợp M gồm dipeptit X, tripeptit Y, tetrapeptit Z và pentapeptit T (đều mạch hở) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được hỗn hợp Q gồm muối của Gly, Ala và Val. Đốt cháy hoàn toàn Q bằng một lượng oxi vừa đủ, thu lấy toàn bộ khí và hơi đem hấp thụ vào bình đựng nước vôi trong dư, thấy khối lượng bình tăng 13,23 gam và có 0,84 lít khí (đktc) thoát ra. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn m gam M, thu được 4,095 gam  $\text{H}_2\text{O}$ . Giá trị của m **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

A. 6,0.

B. 6,5.

C. 7,0.

D. 7,5.

----- Hết -----